

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Hiến và ông Nguyễn Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Không

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1992; CCCD số: 015092001610 do Cục C về TTXH - Bộ C1 cấp ngày 26/04/2021.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992. CCCD số: 015192005779 do Cục C về TTXH - Bộ C1 cấp ngày 07/05/2021

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Á, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 02 tháng 3 năm 2026, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào ngày 18 tháng 11 năm 2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái cũ (nay phường Á, tỉnh Lào Cai), trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh và chị N đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng không cải thiện được những mâu thuẫn. Hiện chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở TDP C, phường Á, tỉnh Lào Cai để sinh sống, vợ chồng cũng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2026 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới cuộc sống của ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Cháu Đào Duy K, sinh ngày 05/12/2016 và cháu Đào Duy K1 sinh ngày 01/01/2021. Anh T1 đề

ngợi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và giao cháu K1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Văn T kết hôn vào ngày 18 tháng 11 năm 2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái cũ (nay phường Á, tỉnh Lào Cai), trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn T.

Về con chung: Chị và anh Đào Văn T có 02 con chung như anh T đã trình bày là đúng. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu là Cháu Đào Duy K, sinh ngày 05/12/2016 và cháu Đào Duy K1 sinh ngày 01/01/2021. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn chị Nguyễn Thị N có nơi thường trú tại Tổ dân phố K, phường Á, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, từ đầu năm 2026 đến nay đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ để dễ sinh sống. Tòa án đã tiến hành triệu tập chị N đến Tòa nhiều lần để hòa giải, tuy nhiên chị N không đến Tòa án mà chỉ gửi bản tự khai cũng như các ý kiến của mình bằng văn bản đến Tòa án. Cả anh T, chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là cháu Đào Duy K, sinh ngày 05/12/2016 và cháu Đào Duy K1 sinh ngày 01/01/2021.

Anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và giao cháu K1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu K và cháu K1. Chị N không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nên giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Duy K, sinh ngày 05/12/2016. Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Duy K1 sinh ngày 01/01/2021. Anh T1 và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[3] Về tài sản, nợ chung: Anh T1 và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Đào Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Đào Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Duy K, sinh ngày 05/12/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Duy K1 sinh ngày 01/01/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh T1 và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đào Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/26E, số 0000658 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai ngày 02/3/2026. Chị Nguyễn Thị N không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T1 và chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
 - VKSND khu vực 1- Lào Cai;
 - Thi hành án Dân sự tỉnh Lào Cai;
 - Các đương sự;
 - UBND phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai;
- (GCNKH số 25 ngày 18/11/2015 của
UBND xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên,
tỉnh Yên Bái cũ);
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Hòa